

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14/3/2025
“V/v ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Võ Cẩm Tú**

2- Ông **Nguyễn Văn Mẫn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Anh** - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 236/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn và yêu cầu nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1986. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn D**, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp LBM, xã TY A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn D tự nguyện tiến tới hôn nhân, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương vào năm 2006 và vợ

chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TY A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 04/10/2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không chăm lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt và hay chửi chị và các con. Mặc dù đã được gia đình khuyên can nhiều lần nhưng anh D không sửa đổi. Do vậy, chị đã ly thân với anh D khoảng 03 năm nay, hiện tại mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm lẫn nhau, vợ chồng không còn tình cảm nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị và anh D có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 05/5/2008, giới tính nữ và Trần Trọng P, sinh ngày 22/6/2012, giới tính nam, hiện nay đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh D không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị G đề nghị được vắng mặt khi xét xử vụ án và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh D.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn D.

Chị Nguyễn Thị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy việc Chị G đề nghị xét xử vắng mặt là trên cơ sở tự nguyện nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX chấp nhận đề nghị của Chị G để xét xử vắng mặt chị.

Do trong vụ án, các đương sự đều vắng mặt nên HĐXX thực hiện việc xét xử theo trình tự được quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị G và anh D xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự thống nhất của hai bên gia đình có tổ lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Yên A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 04/10/2012 nên quan hệ hôn nhân của chị G và anh D là hợp pháp.

Chị G yêu cầu ly hôn với anh D, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh D ham chơi, không lo làm ăn để lo cho tương lai mà còn thường hay nhậu nhẹt về kiếm chuyện chửi chị G và các con.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh D biết về việc chị G yêu cầu ly hôn và thông báo cho anh D đến Tòa án tham gia hòa giải, nhưng anh D đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị G.

Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị G và anh D xảy ra mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã ly thân với nhau hơn 03 năm nay, anh D cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị G và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G, cho chị G được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị G và anh D có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 05/5/2008, giới tính nữ và tên Trần Trọng P, sinh ngày 22/6/2012, giới tính nam, hiện nay đang sống với chị. Chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, các con chung tên Nguyễn Thị Kim C và Trần Trọng P từ khi chị G và anh D ly thân với nhau cho đến nay thì các con sống cùng với chị G được chị G chăm sóc và nuôi dưỡng đến nay. Để đảm bảo môi trường sống ổn định cho các con cũng như là nguyện vọng của các con đều muốn sống với mẹ, Hội đồng xét xử thống nhất giao các con chung tên Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 05/5/2008, giới tính nữ và tên Trần Trọng P, sinh ngày 22/6/2012, giới tính nam cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị G không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Anh D có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị G trình bày là chị và anh D không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0000738 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 05/5/2008, giới tính nữ và tên Trần Trọng P, sinh ngày 22/6/2012, giới tính nam cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị G không yêu cầu anh Trần Văn D phải cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

Anh D có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị G xác định là chị và anh D không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0000738 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị G đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt. Báo cho các đương sự biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh